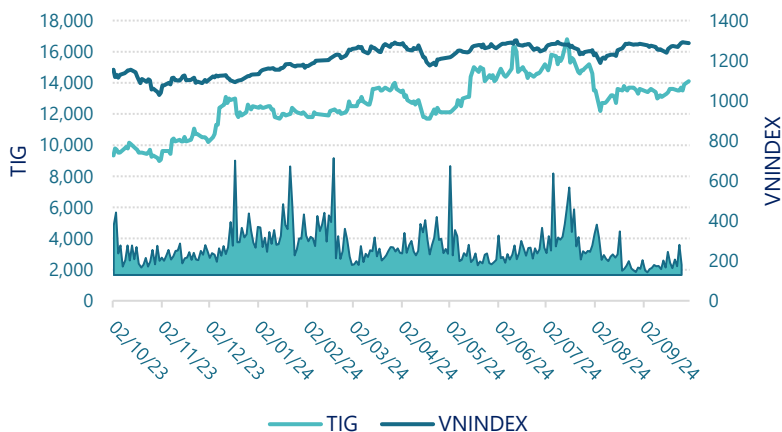




CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long (HNX: TIG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	14,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,977
SL cổ phiếu LH	193,606,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,701,735
% sở hữu nước ngoài	9.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,730
P/E	13.5
EPS	1,041

DT thuần Q3/24

381

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 69.0 | 22.1%

YoY: ▲ 59.0 | 18.3%

LN sau thuế Q3/24

61.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 9.30 | -13.1%

YoY: ▼ 0.30 | -0.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/24

21.6%

+/- YoY: ▼ 2.6%

DT thuần 9T 2024

1,099

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 278 | 33.9%

LN sau thuế 9T 2024

183

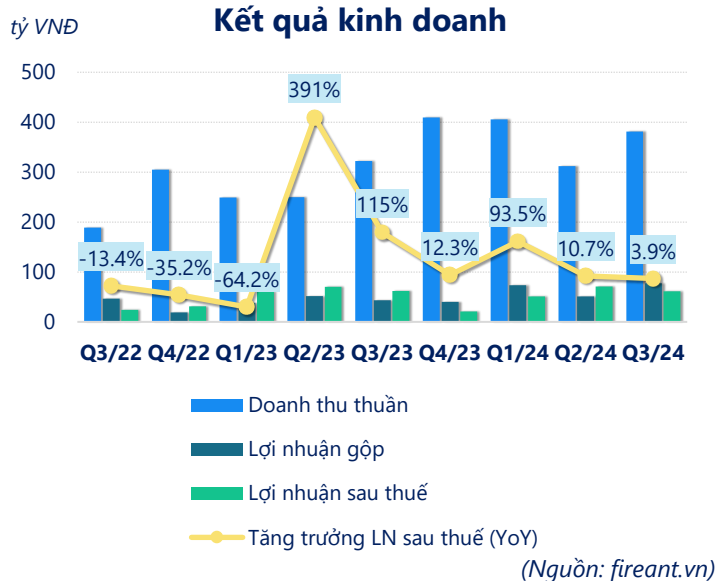
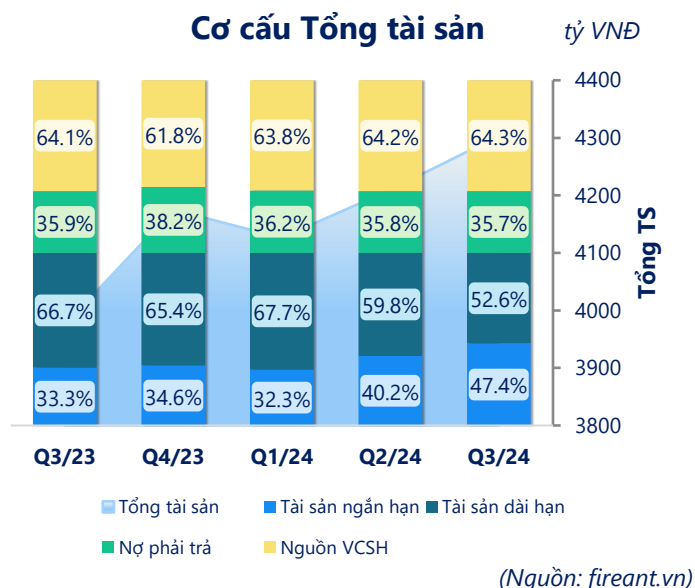
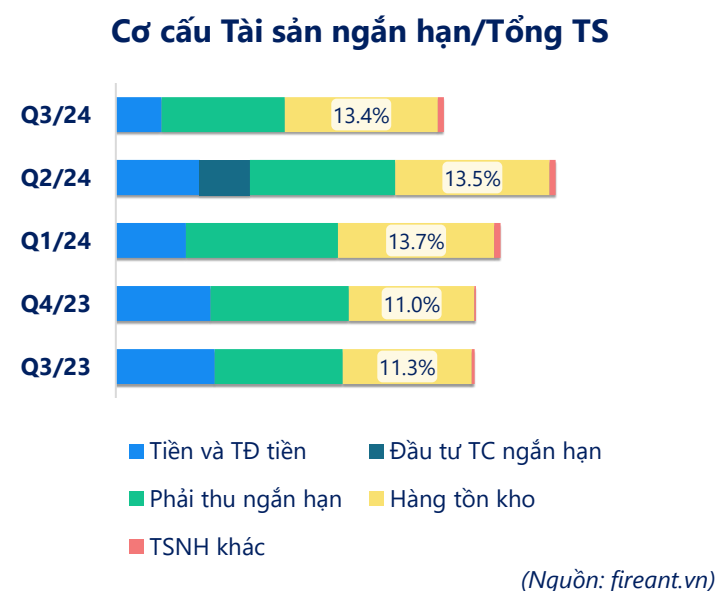
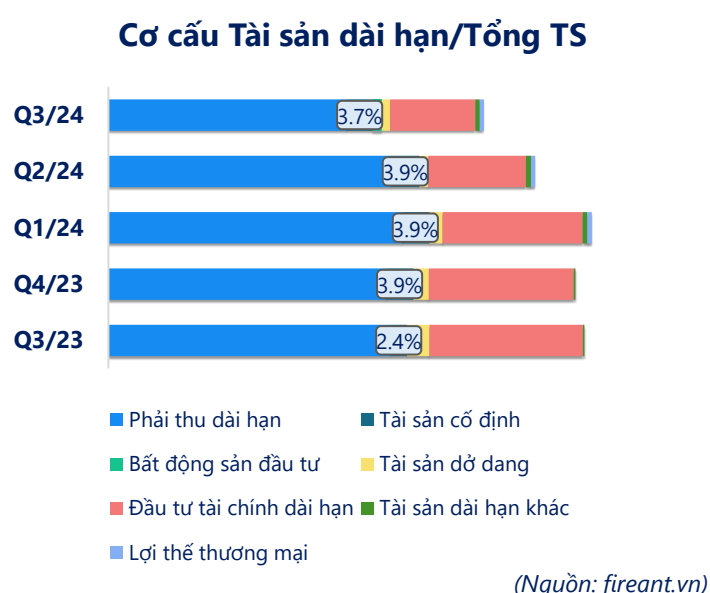
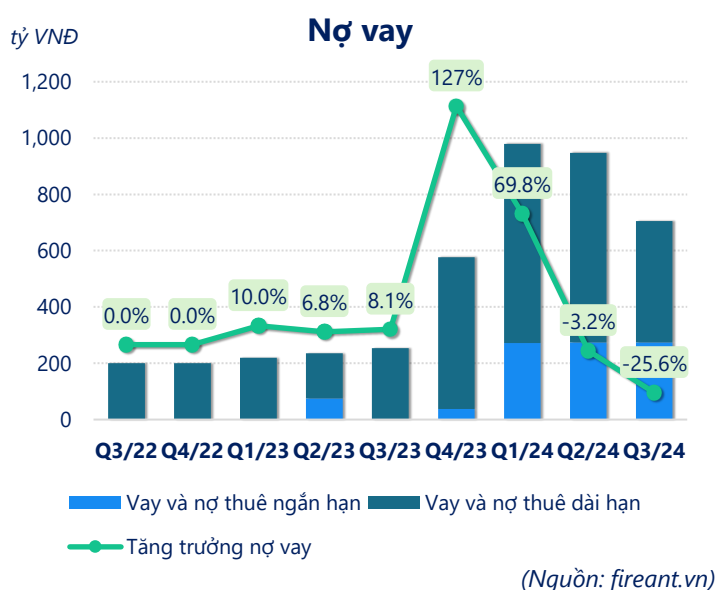
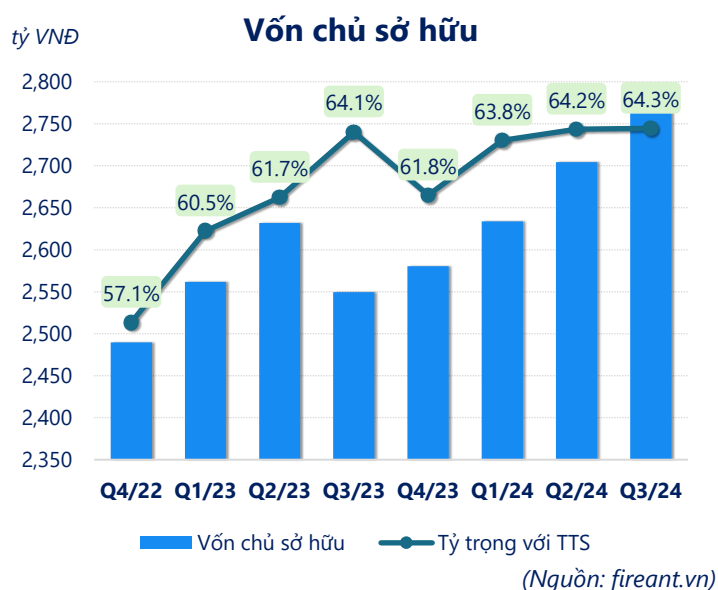
tỷ VNĐ

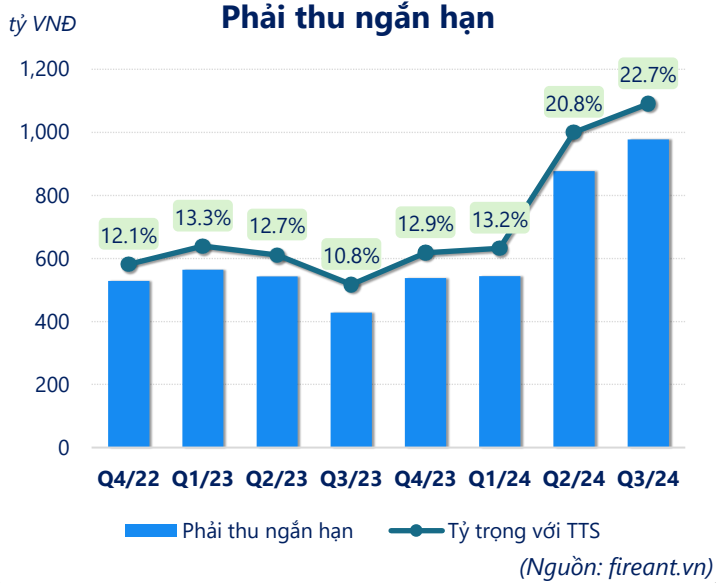
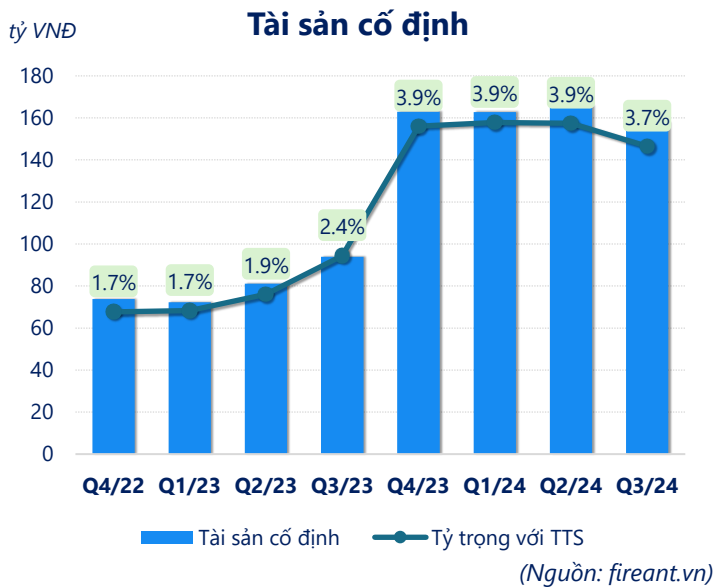
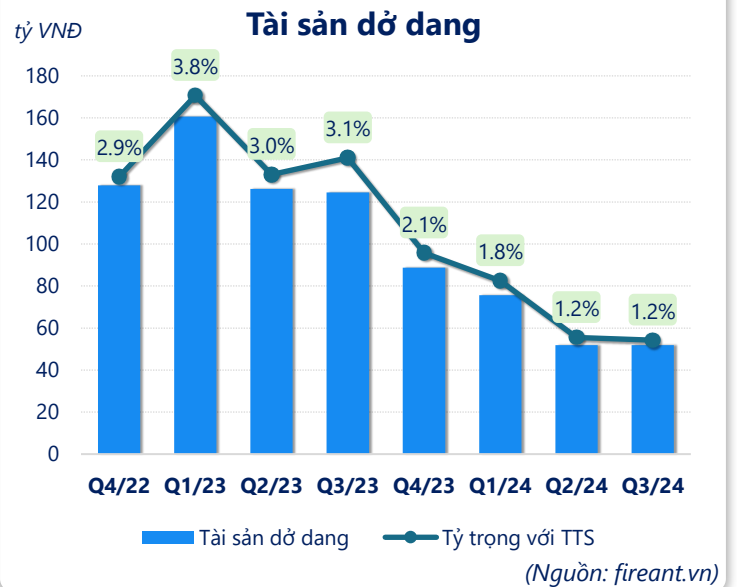
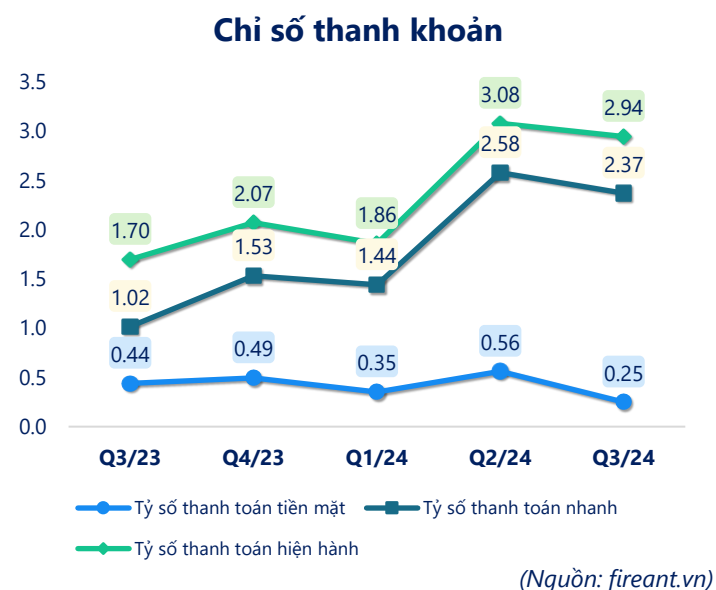
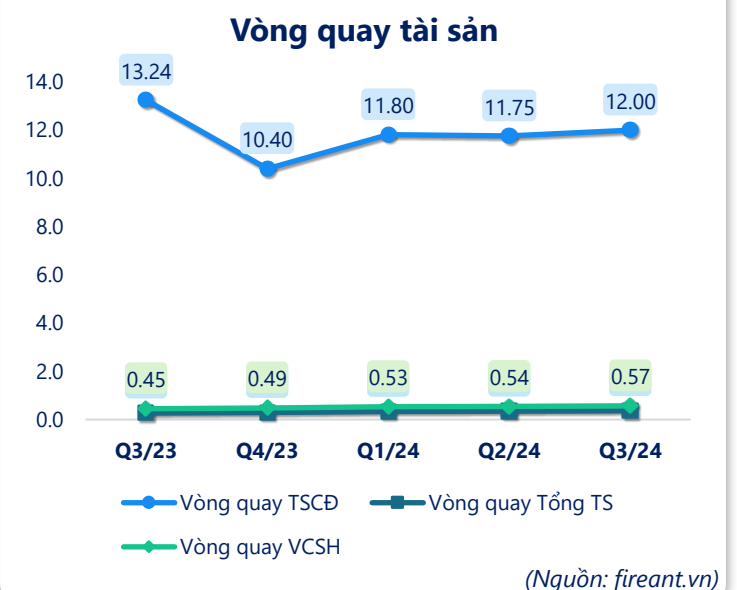
YoY: ▼ 10.0 | -5.3%

ROE Q3/24

7.6%

+/- YoY: ▼ 3.8%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	3,975	4,175	4,126	4,210	4,303
Tài sản ngắn hạn	1,325	1,446	1,333	1,694	2,040
Tiền và tương đương tiền	344	346	253	309	173
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	170	222	221	488
Phải thu ngắn hạn	428	538	544	877	978
Hàng tồn kho	532	377	300	276	399
Tài sản ngắn hạn khác	21.8	16.2	15.0	11.3	3.74
Tài sản dài hạn	2,650	2,729	2,793	2,516	2,263
Phải thu dài hạn	1,569	1,621	1,692	1,667	1,435
Tài sản cố định	93.8	163	163	166	158
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	53.7
Tài sản dở dang	125	88.8	75.6	51.9	51.9
Đầu tư tài chính dài hạn	853	847	809	576	512
Tài sản dài hạn khác	9.29	10.3	27.6	29.4	28.5
Lợi thế thương mại	0	0	26.3	25.6	24.9
Nợ phải trả	1,425	1,595	1,492	1,505	1,537
Nợ ngắn hạn	781	699	718	550	693
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	37.7	272	274	274
Phải trả người bán ngắn hạn	53.2	68.3	95.9	68.3	171
Nợ dài hạn	644	896	775	955	844
Vay và nợ thuê dài hạn	254	539	707	674	431
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,550	2,580	2,634	2,704	2,766
Vốn chủ sở hữu	2,550	2,580	2,634	2,704	2,766
Vốn điều lệ	1,760	1,936	1,936	1,936	1,936
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)